TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **03**/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 22-01-2021.
V/v: "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng, ông Nguyễn Huờn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/HNGĐ-PT ngày 30/11/2020 về việc *"Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"*.

Do bản án Hôn nhân và gia đình số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2020/QĐ-PT ngày 30/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H' M Mlô, sinh năm 1965; địa chỉ: Buôn M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về phần tài sản: Ông Đặng Anh T; địa chỉ: I10 T, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Y R Niê Kdăm, sinh năm 1958;

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn về phần tài sản: Ông Y S Mlô, sinh năm 1952 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Buôn M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà H' L Mlô, sinh năm 1983 (vắng mặt);

3.2. Bà H' L1 Mlô, sinh năm 1988 (vắng mặt);

3.3. Ông Y N Mlô, sinh năm 1990 (có mặt);

3.4. Bà H'L2 Mlô, sinh năm 1994 (vắng mặt);

3.5. Bà H'L3 Mlô, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Buôn M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H’ L Mlô, bà H’ L1 Mlô, ông Y N Mlô, bà H’L2 Mlô là bà H’L3 Mlô.

4. Những người kháng cáo: Bị đơn Y R Niê Kdăm và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H’ L Mlô, bà H’ L1 Mlô, ông Y N Mlô, bà H’L2 Mlô, bà H’L3 Mlô.

5. Người phiên dịch: Ông Y Th Bkrông – Dân tộc Ê Đê.

Địa chỉ: Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H’ M Mlô và ông Y R Niê Kdăm không đăng ký kết hôn nhưng tự nguyện chung sống với nhau, tổ chức lễ cưới theo phong tục người Ê đê, từ trước năm 1980. Việc chung sống của vợ chồng bà là hoàn toàn tự nguyện.

- Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, nên vợ chồng bà H’ M thường xuyên tranh cãi nhau. Từ năm 2006, vợ chồng bà H’ M đã ly thân. Năm 2009, bà H’ M Mlô và ông Y R Niê Kdăm đã ly hôn theo phong tục của người đồng bào Ê đê. Nay tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn, nên nguyện vọng của bà xin ly hôn với ông Y R Niê Kdăm.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H’ M Mlô và ông Y R Niê Kdăm có năm con chung là: H’ L Mlô – sinh ngày 25/3/1983; H’ L1 Mlô – sinh ngày 27/9/1988; Y N Mlô – sinh ngày 28/6/1990; H’L2 Mlô – sinh ngày 20/01/1994; H’L3 Mlô – sinh ngày 05/10/1992. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà H’ M trong quá trình sống chung có 01 thửa đất rẫy tại buôn M, thị trấn E, huyện E (nay là khối 4, thị trấn E, huyện E), diện tích 14.705m^2, tờ bản đồ số 17, thửa đất số 20, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367279 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Y R vào ngày 07/12/1999. Tại thời điểm cấp, thì trong sổ hộ khẩu có vợ chồng bà H’ M và 05 con chung. Nhiều lần mẹ con bà H’ M yêu cầu ông Y R chia đất nhưng đều không được. Nguyện vọng của bà H’ M là yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là diện tích đất và tài sản trên đất là các cây lâu năm gồm: 20 cây tiêu trồng năm 1986 – 1987 và 15 cây bơ trồng năm 1985 và chia cho bà H’ M giá trị tài sản. Đối với các cây trồng khác có trên đất, bà H M xác định đây là tài sản do ông Y R trồng sau khi hai vợ chồng sống ly thân, ngoài ra có 04 cây mắng cầu trồng năm 1986 đây là tài sản chung nhưng bà H M không yêu cầu chia cho bà. Vì vậy, đề nghị chia cho bà H’ M giá trị tài sản và giao quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất cho ông Y R.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình làm việc và tại phiên toà bị đơn ông Y R Niê Kdăm trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân giữa ông Y R Niê Kdăm và bà H’ M Mlô như bà H’ M trình bày. Tuy nhiên, về mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, và bà H’ M ngoại tình. Ông Y R đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà H’ M.

- Về con chung: Có năm con chung như bà H’ M trình bày. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện trên của bà H’ M và yêu cầu độc lập của các con. Vì đây là tài sản riêng của ông, diện tích đất tranh chấp là do bố mẹ ruột của ông là bà H’R1Niê và ông Y B Byă (hiện cả hai đều đã chết) tặng cho ông, sau đó mới làm thủ tục chuyển sang tên hộ Y R Niê. Đối với các tài sản chung trên đất là 20 cây tiêu trồng năm 1986 – 1987 và 15 cây bơ trồng năm 1985 là tài sản chung. Còn các tài sản khác trên đất là do ông trồng.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**** Tại Đơn yêu cầu độc lập và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H’L3 Mlô trình bày:***

Chúng tôi là con chung của bà H’ M và ông Y R, nay nguyện vọng của chúng tôi là được lấy giá trị của diện tích đất và tài sản trên đất là 20 cây tiêu trồng năm 1986 – 1987 và 15 cây bơ trồng năm 1985 tại diện tích 14.705m^2, tờ bản đồ số 17, thửa đất số 20, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367279 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Y R vào ngày 07/12/1999. Vì tại thời điểm cấp đất, chúng tôi đều có tên trong sổ hộ khẩu, cùng nhau khai hoang và cùng bố mẹ canh tác diện tích đất này. Đối với các cây hoa màu và cây lâu năm trồng từ năm 2006 là của ông Y R, đề nghị giao quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất cho ông Y R.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình số: 22/2020/HNGĐ-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59 và Điều 62 Luật hôn nhân gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H’ M Mlô.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H’ L Mlô, bà H’ L1 Mlô; ông Y N Mlô, bà H’L2 Mlô và bà H’L3 Mlô.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H’ M Mlô và ông Y R Niê Kdăm thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi, nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông Y R Niê Kdăm được quyền quản lý, sử dụng 14.750m^2 đất, tọa lạc tại Khối 4, thị trấn E, huyện E, thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367279 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Y R Niê Kdăm vào ngày 07/12/1999. Ngoài ra Y R Niê Kdăm còn được quyền sở hữu 15 cây bơ trồng

năm 1985 và 20 cây tiêu trồng khoảng năm 1986-1987 nằm trên phần đất được giao.

Ông Y R Niê Kdăm có trách nhiệm trả lại cho bà H' M Mlô 380.995.500 đồng (Ba trăm tám mươi triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

Ông Y R Niê Kdăm có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất.

Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu khởi kiện của các đương sự đối với các tài sản nằm trên thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367279 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Y R vào ngày 07/12/1999, gồm: 03 bụi chuối; 15 cây bơ trồng năm 2016; 03 cây sầu riêng trồng năm 2011; 01 cây sầu riêng trồng năm 2017; 02 bụi thanh long; 04 cây mẳng cầu trồng năm 1986; 02 cây muồng đen trồng năm 2014; 01 cây mít trồng năm 2014; 02 cây điều trồng năm 2014; 02 cây đu đủ; 600 cây keo.

Kiến nghị UBND huyện E điều chỉnh lại địa chỉ của thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367279 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Y R vào ngày 07/12/1999 cho phù hợp với địa giới hành chính.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2020 bị đơn ông Y R Niê Kdăm có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm với nội dung: Diện tích 14.000 m^2 đất rẫy mà Tòa án chia là tài sản riêng của ông Y R Niê Kdăm và gia đình ông, có từ trước khi kết hôn nên không đồng ý chia giá trị cho bà H' M Mlô, đề nghị cấp phúc thẩm huỷ một phần bản án sơ thẩm đối với phần chia tài sản chung của vợ chồng.

Ngày 09/10/2020, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H' L Mlô, bà H' L1 Mlô, ông Y N Mlô, bà H'L2 Mlô, bà H'L3 Mlô kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

**Về tố tụng:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Về nội dung:*

- Kháng cáo của ông Y R là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ tại đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chính ông Y R làm đơn thì tại mục xác định nguồn gốc đất, ông Y R kê khai là đất khai hoang mà không phải là đất được cho tặng. Ông Y R không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh thửa đất tranh chấp là tài sản riêng của ông.

- Kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ tại thời điểm hộ ông Y R được UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các con đều còn nhỏ. Trong đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng chỉ có tên vợ chồng ông Y R, bà H' M.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Y R Niê Kdăm và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H' L Mlô, bà H' L1 Mlô, ông Y N Mlô, bà H'L2 Mlô, bà H'L3 Mlô và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, bị đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Y R Niê Kdăm cho rằng diện tích 14.705m^2 đất thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17 đã được UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông, nên ông không đồng ý việc Toà án cấp sơ thẩm giải quyết phân chia tài sản này. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, có lúc ông Y R khai là được bố mẹ của ông tặng cho riêng vào năm 1975 (BL 33) – khi ông mới 17 tuổi, có lúc lại do bố mẹ ông cho vợ chồng ông mượn để canh tác từ năm 1980. Trên thực tế, các bên đều thừa nhận đã canh tác, quản lý, sử dụng đất và trồng cây trên đất từ những năm 1985, 1986 cho đến nay. Căn cứ đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 22 tháng 6 năm 1999 do ông Y R là người trực tiếp kê khai (BL 97) có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Y R xác định thửa đất có nguồn gốc khai hoang mà không phải là được cho tặng. Ông Y R không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh đây là tài sản riêng của ông. Cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông Y R – bà H' M, đồng thời giao đất cho ông Y R là phù hợp với nguyện vọng của bà H' M.

Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ông Y R – bà H' M sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay thì ông Y R là người có công quản lý, chăm sóc vườn cây trên đất. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do bà H' M ngoại tình. Cấp sơ thẩm chia cho bà H' M 50% giá trị tài sản là chưa thỏa đáng. Ông Y R kháng cáo cho rằng diện tích 14.705m^2, thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17 là tài sản riêng của ông, như vậy, nội dung kháng cáo có yêu cầu bảo vệ quyền lợi cao hơn nên cần sửa

án sơ thẩm, chia cho ông Y R 60% giá trị tài sản, chia cho bà H' M 40% giá trị tài sản là 304.796.000 đồng (Đã làm tròn số).

Đối với lời trình bày của ông Y R cho rằng đã tặng cho 05 người con 01ha đất tại Buôn M, thị trấn E, huyện E thì đây là việc cho tặng các con chứ không phải đã chia một phần tài sản cho bà H' M, nên đây không phải là căn cứ để xem xét khi chia tài sản chung của vợ chồng.

[3] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H' L Mlô, bà H' L1 Mlô, ông Y N Mlô, bà H'L2 Mlô, bà H'L3 Mlô đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thì thấy: Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện E cấp cho hộ gia đình ông Y R Niê nhưng chỉ có bà H' M Mlô, ông Y R Niê Kdăm là những người có tên trong đơn đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999, con lớn nhất mới 16 tuổi. Từ năm 2006 đến nay, chỉ một mình ông Y R quản lý, chăm sóc vườn cây. Do đó, các con của ông Y R – bà H' M không có công sức đóng góp trong việc tạo lập khối tài sản này. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[4] Trong các biên bản Hòa giải, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất và giá trị của 20 cây tiêu trồng năm 1986 - 1987, 15 cây bơ trồng năm 1985, đồng thời xác định những cây trồng khác là của ông Y R. Đáng lẽ, khi chia cho ông Y R được quyền sử dụng thửa đất thì Tòa án phải ghi nhận cho ông Y R được quyền sở hữu những tài sản này vì đây là tài sản gắn liền với đất và không có tranh chấp, nhưng lại tách ra để giải quyết bằng vụ án khác là không đúng. Tại Toà án cấp phúc thẩm, các đương sự đề nghị Toà án ghi nhận là tài sản của ông Y R. Xét yêu cầu này của các đương sự là tự nguyện nên cần ghi nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Y R khai: Hiện tại, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được thế chấp và khi giải quyết việc ly hôn theo phong tục thì đã chia tài sản chung, trong đó ông Y R được chia thửa đất đang tranh chấp, việc chia tài sản chung có Buôn trưởng chứng kiến. Cấp sơ thẩm không làm rõ những nội dung này là điều tra, xác minh chưa đầy đủ. Tuy nhiên, nội dung này đã được cấp phúc thẩm khắc phục, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và buộc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng không khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là thiết sót, cần khấu trừ cho các đương sự theo đúng quy định.

[7] Bà H' L3 có đơn yêu cầu độc lập, tại thông báo nộp tiền tạm ứng án phí (yêu cầu độc lập) số 04/TB-TA ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar lại ghi nhầm là "kính gửi ông Y L Mlô" nên Chi cục Thi hành án dân sự

huyện E căn cứ vào thông báo của Toà án thu tiền tạm ứng án phí ghi tên người nộp là ông Y L. Do nhầm lẫn nên cần khấu trừ số tiền này cho bà H’ L3.

[8] Cấp sơ thẩm không tuyên vị trí tứ cận thửa đất nên cần ghi nhận để đảm bảo công tác thi hành án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng nêu trên.

[9] Về án phí phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên ông Y R không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59 và Điều 62 Luật hôn nhân gia đình; điểm d khoản 1 Điều 12; điểm a, b Khoản 5, Điều 27, khoản 2 Điều 29 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Y R Niê Kdăm; Không chấp nhận kháng cáo của bà H’ L Mlô, bà H’ L1 Mlô, ông Y N Mlô, bà H’L2 Mlô, bà H’L3 Mlô. Sửa bản án Hôn nhân và gia đình số: 22/2020/HNGĐ-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H’ M Mlô.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H’ L Mlô, bà H’ L1 Mlô; ông Y N Mlô, bà H’L2 Mlô và bà H’L3 Mlô.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H’ M Mlô và ông Y R Niê Kdăm thuận tình ly hôn.

[2.2] Về tài sản chung: Giao cho ông Y R Niê Kdăm được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất 14.750m^2, tọa lạc tại Khối 4, thị trấn E, huyện E, thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367279 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Y R Niê Kdăm vào ngày 07/12/1999, có vị trí tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa đất số 19 và 19A, cạnh dài 120m + 51m;

Phía Tây giáp đường đất và giáp thửa 90, cạnh dài 65m + 105m;

Phía Bắc giáp đường cạnh dài 109 m;

Phía Nam giáp thửa đất số 92 và 91, cạnh dài dài 33m + 30m;

Các tài sản trên đất gồm: 15 cây bơ trồng năm 1985 và 20 cây tiêu trồng khoảng năm 1986-1987; 03 bụi chuối; 15 cây bơ trồng năm 2016; 03 cây sầu riêng trồng năm 2011; 01 cây sầu riêng trồng năm 2017; 02 bụi thanh long; 04 cây mẳng cầu trồng năm 1986; 02 cây muồng đen trồng năm 2014; 01 cây mít trồng năm 2014; 02 cây điều trồng năm 2014; 02 cây đu đủ; 600 cây keo mới trồng.

Ông Y R Niê Kdăm có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất.

Kiến nghị UBND huyện E điều chỉnh lại địa chỉ của thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367279 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Y R vào ngày 07/12/1999 cho phù hợp với địa giới hành chính.

[2.3] Buộc ông Y R Niê Kdăm có trách nhiệm trả lại cho bà H' M Mlô 304.796.000 đồng *(Ba trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Ông Y R Niê Kdăm phải trả lại cho bà H' M Mlô 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

[2.5] Về án phí sơ thẩm:

- Bà H' M Mlô phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm và 15.239.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0013494 ngày 09/12/2019 và số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0013495 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E. Bà H' M Mlô còn phải nộp 11.489.000 đồng án phí.

- Ông Y R Niê Kdăm là người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự chia tài sản chung.

- Bà H' L Mlô, bà H' L1 Mlô, ông Y N Mlô, bà H'L2 Mlô và bà H'L3 Mlô mỗi người phải chịu 5.442.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Mỗi người được khấu trừ số tiền 535.000 đồng (Năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số AA/2019/0006214; AA/2019/0006215; AA/2019/0006216; AA/2019/0006218; AA/2019/0006217 (biên lai ghi là Y L Mlô) cùng nộp ngày 18/3/2020 (đều do bà H M Mlô nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

E. Mỗi người còn phải nộp 4.907.800 đồng (Bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn tám trăm đồng).

[2.6] Về án phí dân sự phúc thẩm.

Bà H' L Mlô, bà H' L1 Mlô, ông Y N Mlô, bà H'L2 Mlô và bà H'L3 Mlô mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mỗi người đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số AA/2019/0011467; AA/2019/0011465; AA/2019/0011468; AA/2019/0011469; AA/2019/0011466 cùng nộp ngày 20/10/2020 (đều do ông Đặng Anh T nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hường